

Số: 13/2020/QĐST-HNGĐ

*Hương Thủy, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 08/1221 NTT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 08/1221 NTT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 03 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, việc nuôi con: Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H công nhận vợ chồng có 01 con chung là: cháu Dương Văn Gia H, sinh ngày 16/02/2018. Hai bên thoả thuận: Hai bên thống nhất giao cháu Dương Văn Gia H, sinh ngày 16/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Dương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Gia H đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết,

2.3. Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Dương Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết,

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005533 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, anh Tuấn đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- UBND phường PB;
- ( ĐKKH ngày 09/9/2016 );
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÍ)**

**Nguyễn Ngọc Dũng**